

Bản án số: 532/2022/HC-PT

Ngày 21 – 7 – 2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 244/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1202/2021/HC-ST ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1189/2022/QĐ-PT ngày 8 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Ngô Hàng V, sinh năm 1979; Địa chỉ: 377 Đ, ấp 1, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ngô Thanh S theo Văn bản ủy quyền được công chứng số 006527, Quyền 05/2001/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2021 của Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 181/1 Đường T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H, theo Văn bản ủy quyền số 1859 ngày 14/4/2021) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Công H – Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị X - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Cùng địa chỉ: 01, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1984;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ1: Ông Ngô Thanh S, theo Văn bản ủy quyền số 0006527 ngày 22/5/2021 (có mặt);

Địa chỉ: 181/1 Đường T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm: 1961 (vắng mặt);

3. Ông Đặng Thanh Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 3/22A ấp 1, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, đơn sửa đổi bổ sung khởi kiện đề ngày 14/6/2021, bản tự khai và biên bản đối thoại, người khởi kiện - ông Ngô Hàng V có ông Ngô Thanh S đại diện trình bày:

Căn nhà số 377 Đ, ấp 1, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ nhà đất của bà Võ Thị C sử dụng từ trước năm 1975, năm 1996 bà Cút cho con là Đặng Thanh Đ và Lê Thị Thùy D sử dụng, năm 2004 bà D xin cấp Giấy chứng nhận và được Ủy Ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 1821/2004 ngày 27/9/2004. Ngày 22/9/2011, ông Đ, bà D tặng cho ông Đặng Thanh T1 phần nhà đất trên, cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận số CH00846 ngày 22/9/2011, Ông V, bà Đ1 mua lại căn nhà và đất nêu trên của ông Trúc và đã cấp đổi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số vào sổ CH 01071 ngày 16/12/2014.

Ngày 18/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 6285/QĐ-UBND về việc thu hồi 60,1 m² đất, trong đó có 58,7 m² thuộc thửa 21, 22 tờ bản đồ số 61 (tài liệu đo đạc năm 2004) xã Đ, huyện H và 1,4 m² là đường của gia đình Ông V tại địa chỉ số 377 ấp 1, xã Đ, huyện H, và Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND về việc | phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) (gọi tắt là quyết định 5521-1145/QĐ-UBND) với nội dung phần đất bị thu hồi diện tích 58,1 m² hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp; phần diện tích 0,6m² không thuộc giấy chứng nhận và diện tích 1,4m² thuộc đường (a) không được bồi thường, hỗ trợ. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất là 130.608.800 đồng. Ngày 21/5/2020 Ủy ban ban hành quyết định số 2454/QĐ-UBND nội dung Điều chỉnh một phần nội dung điều 1 của Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND.

Không đồng ý với các Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Ông V đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện H xem xét, xác định loại đất đối với phần đất bị thu hồi nhưng không được giải quyết, ngày 27/01/2021 có văn bản trả lời không xét khiếu nại của ông. Sau đó Ủy ban nhân dân huyện H cưỡng chế thu hồi nhà đất của ông. Hiện nay ông chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Tại tòa, Ông V có mặt và xác định đồng ý với Quyết định thu hồi đất số 6258/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện H, ông được tham dự các phiên họp và được thông báo về thông tin dự án, tuy nhiên việc xác định đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, đồng thời hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp, không bồi thường giá trị xây dựng là không đúng pháp luật. Ông V rút yêu cầu Tòa án xem xét quyết định cưỡng chế số 63/QĐ-UBND ngày 11/01/2021. Ông đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy: Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện H có Văn bản số 2004/UBND-TNMT ngày 26/4/2021 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện có nội dung như sau:

Phần diện tích đất 60,1m², thuộc một phần thửa đất số 21, 22, tờ bản đồ số 61, tài liệu năm 2004, xã Đ có nguồn gốc của ông Đặng Thanh Đ và bà Lê Thị Thùy D; ngày 27/9/2004, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 1821/2004 cho ông Đ và bà D đối với phần đất diện tích 17,2m², thuộc thửa đất số 331, tờ bản đồ số 7-ĐT có số nhà 377 Ấp 1, xã Đ do phù hợp quy hoạch, phần diện tích 60,1 m² thuộc lộ giới nên không cấp quyền sử dụng đất nhưng vẫn được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 1821/2004.

Ngày 15/8/2011, Ủy ban nhân dân huyện H cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00846 cho ông Đặng Thanh Đ và bà Lê Thị Thùy D (do Giấy chứng nhận số 1821/2004 bị mất).

Ngày 22/9/2011, ông Đ, bà D tặng cho ông Đặng Thanh T1 phần nhà đất trên, cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận số CH00846 ngày 22/9/2011. Năm 2014, ông Trúc chuyển nhượng cho ông Ngô Hàng V và bà Nguyễn Thị Đ. Ngày 16/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01071 cho ông Ngô Hàng V và bà Nguyễn Thị Đ đối với phần đất 15,6m² thửa đất số 359, tờ bản đồ số 61 (Tài liệu 2005), xã Đ; phần nhà số 377 Ấp 1, xã Đ.

Ngày 18/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 6285/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình ông Ngô Hàng V để thực hiện dự án, kèm theo là Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ), Ông V có đơn đề nghị xem xét xác định loại đất ở đối với phần đất bị thu hồi.

Ngày 25/5/2020, Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản số 147/UBND-TNMT về việc trả lời đơn đề nghị xem xét loại đất ở khi thực hiện dự án của ông Ngô Hàng V có nội dung “phần nhà của ông Ngô Hàng V xây dựng năm 1997, sau thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh công bố quy hoạch lộ giới đường Tỉnh lộ 9 (nay là đường Đ) theo Quyết định số 6982/QĐ-UBND ngày 30/9/1995.

Căn cứ Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 5 của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì trường hợp của ông Ngô Hàng V được tính bồi thường, hỗ trợ với loại đất nông nghiệp là đúng quy định”.

Ngày 11/01/2021, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với ông/bà Ngô Hàng V-Nguyễn Thị Đ do không chấp hành quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Đ.

Ngày 27/01/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có Thông báo số 823/TB-UBND-TTH về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ông V cho rằng phần đất bị ảnh hưởng dự án của ông được xác định là đất T, do đó Ông đề nghị được xác định loại đất ở là không có căn cứ, vì theo Văn bản số 1025/TCQLĐĐ-CĐKTK ngày 24/9/2013 của Tổng Cục quản lý đất đai Bộ Tài nguyên và Môi trường thì ý kiến của Ông V là không đúng.

Theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số

43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai về cấp giấy chứng nhận thi trường hợp của ông Ngô Hàng V chỉ đủ điều kiện công nhận đất ở đối với phần nhà đất phù hợp quy hoạch. Đối với phần đất thuộc lộ giới đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) do tạo lập vào năm 1997 sau thời điểm công bố lộ giới theo Quyết định số 6982/QĐ-UB QLĐT ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố nên không phù hợp quy hoạch, không được công nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất SỐ CH01071 ngày 16/12/2014 đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Ngô Hàng V và bà Nguyễn Thị Đ. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện H xác định loại đất nông nghiệp đối với trường hợp của ông Ngô Hàng V là đúng quy định.

Về việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản: Nhà xây dựng năm 1997, áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 thì hỗ trợ bằng 25% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

Do Ông V không chấp hành nên Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H vắng mặt nhưng tại văn bản số 2005/UBND ngày 26/4/2021 trình bày như sau: Phần nhà đất gia đình ông Ngô Hàng V sử dụng thuộc dự án nâng cấp, sửa chữa đường Đ, thực hiện theo quy định của pháp luật Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành các Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V.

Ngày 07/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H nhận được đơn của ông Ngô Hàng V khiếu nại Công văn số 147/UBND-TNMT ngày 25/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc trả lời đơn đề nghị xem xét loại đất ở khi thực hiện dự án của ông Ngô Hàng V.

Tại Biên bản làm việc ngày 30/12/2020, Ông V cho biết đã nhận được Công văn số 147/UBND-TNMT vào khoảng 02 tuần sau khi công văn được ban hành (khoảng ngày 15 tháng 6 năm 2020), thời hiệu giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định các khiếu nại không được thụ lý giải quyết: “Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng” và khoản 2 Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Hàng V đối với Công văn số 147/UBND-TNMT ngày 25/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện H. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ra Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày

27/01/2021 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Đ ủy quyền cho ông Ngô Thanh S trình bày:

Bà Đ1 là vợ của ông Ngô Hàng V, bà nhất trí với ý kiến và yêu cầu của Ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thùy D có ý kiến:

Phần nhà đất ông Ngô Hàng V bị thu hồi có nguồn gốc do cha mẹ chồng bà cho vợ chồng bà từ năm 1996, trên đó có một phần nhà xây dựng từ trước năm 1975. Vợ chồng bà chỉ sửa chữa lại năm 1997 trên nền nhà cũ. Tranh chấp giữa Ông V và Ủy ban nhân dân huyện H bà không có ý kiến. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh Đ có ý kiến:

Ông là chồng của bà Lê Thị Thùy D, ông thống nhất với ý kiến của bà D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1202/2021/HCST ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 173, khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và năm 2013; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và an sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 63/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V về việc hủy:

- Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân

dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ);

- Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại;

- Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần bị thu hồi của ông Ngô Hàng V, bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật và giải quyết khiếu nại (nếu có).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, phần thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HC, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V về việc hủy Quyết định bồi thường số 5521-1145/2018; hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại số 823/2022.

Ngày 06/01/2022, Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Ngô Hàng V và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng bản án hành chính sơ thẩm xét xử là có căn cứ vì thế đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của những người bị kiện cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện H và của Chủ tịch UBND huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Căn nhà hiện tại thuộc sở hữu của ông Ngô Hàng V được xây dựng vào năm 1997 sau khi có quyết định công bố dự án nâng cấp, sửa chữa đường Đ, đồng thời diện tích đất được bồi thường theo giá trị đất nông nghiệp không được công nhận trong giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vì thế UBND huyện lập phương án bồi thường theo loại đất nông nghiệp là đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND huyện H theo hướng sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét thấy Ủy ban nhân dân huyện H bồi thường có 60,1m² thu hồi theo đơn giá đất nông nghiệp là có lợi cho Ông V và việc UBND huyện H áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 20 của Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hỗ trợ 25 % giá trị tài sản đúng quy định. Ngoài ra theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật TTHC năm 2015, Thông báo không thụ lý khiếu nại số 823/2021 không chứa đựng nội dung về “vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính” do đó không phải là quyết định hành chính và không thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính nhưng cấp sơ thẩm vẫn thụ lý, giải quyết là không đúng.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V về việc hủy Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND ngày 18/12/2018; hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện H và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên đủ điều kiện được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện H có đơn xin xét xử vắng mặt từ cấp sơ thẩm trong toàn bộ các giai đoạn tố tụng, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định Quyết định số 6285/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình ông Ngô Hàng V, bà Nguyễn Thị Đ; Quyết định

số 5521-1145/QĐ-UBND; Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại là quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và còn thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về nội dung: Ngày 18/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 6285/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, ông Ngô Hàng V không khởi kiện đối với quyết định thu hồi đất, chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy: Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) và thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Ngô Hàng V.

[4] Xét kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về thẩm quyền, ban hành quyết định:

Ngày 18/12/2018 Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[4.2] Về trình tự thủ tục ban hành quyết định:

Khi ban hành Quyết định 5521-1145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, UBND huyện H đã thực hiện việc mời ông Ngô Hàng V tham dự các buổi họp về phương án bồi thường đối với nhà đất là đúng theo quy định tại Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2 Điều 69 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất

[4.3] Về nội dung quyết định:

[4.3.1] Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện H nội dung thu hồi phần đất diện tích 58,1 m² thuộc khuôn viên nhà đất số 377 ấp 1 xã Đ, huyện H và hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp; phần diện tích 0,6m² không thuộc giấy chứng nhận và diện tích 1,4m² thuộc đường (a) không được bồi thường, hỗ trợ. Không đồng ý với quyết định này nên Ông V khởi kiện với lý do đất của gia đình ông sử dụng là đất làm nhà ở ổn định từ trước khi có quyết định công bố dự án lộ giới tỉnh lộ 9 do đó phải được bồi thường theo giá đất ở và

vật kiến trúc theo quy định.

Hội đồng xét xử xét phúc thẩm thấy:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (đường Đ) số Hợp đồng 144/2016(3) - 29(ĐT)/ĐĐXDHM lập ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Công ty Cổ phần đo đạc xây dựng Hóc Môn, phần đất bị ảnh hưởng của Ông V bà Đ1 có diện tích là 60,1 m² gồm 58,1 m² thuộc thửa 22 và 0,6m² thuộc thửa 21 và 1,4 m² là đường từ bản đồ số 61 (TL2004), xã Đ, huyện H. Phần diện tích đất này không được công nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 01071 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp.

Tại Văn bản số 1260/UBND ngày 22/4/2021 Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H gửi cho ông Ngô Thanh S xác định phần đất Ông V bà Điều sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01071 ngày 16/12/2014 thửa đất 359 từ bản đồ số 61 (tài liệu 2004) xã Đ, quá trình kê khai trên các nền tài liệu 299: thuộc thửa đất số 36 từ bản đồ số 2, loại đất T, diện tích 5.375m², kê khai: Thổ tập trung. Tài liệu 02/UB: Thuộc thửa đất số 331 từ bản đồ số 7, loại đất T, diện tích 18.466m², kê khai: Thổ tập trung. Tài liệu 2004: Thuộc thửa 22, từ bản đồ số 61, loại đất T, diện tích 223,4m², kê khai: Võ Thị C. Vị trí được xác định phù hợp với Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Cổ phần đo đạc xây dựng Hóc Môn lập ngày 08/9/2017.

Như vậy, toàn bộ phần đất của nhà số 377 Đ có nguồn gốc tách từ phần nhà đất của nhà số 1/12 xóm 1, xã Đ, huyện H và không có số nhà. Ngày 09/02/2004 Ủy ban nhân dân huyện H có thông báo tạm cấp số nhà 377 Đ cho bà Lê Thị Thùy D. Nội dung này được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở ngày 05/8/2004 của bà Lê Thị Thùy D.

Năm 2004, bà Lê Thị Thùy D xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc: 1821/2004 ngày 27/9/2004 diện tích đất 17,2m², phần diện tích sử dụng 88,42 m² trong đó diện tích xây dựng 66,91 m² không được công nhận do không phù hợp quy hoạch. Khi cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số vào sổ GCN: CH01071 ngày 16/12/2014 cũng thể hiện diện tích đất 89,3 m² và diện tích nhà 63,1 m² không phù hợp quy hoạch không được công nhận.

Khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp

tiền sử dụng đất.

Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2003 quy định: Căn cứ vào quỹ đất của địa phương và quy hoạch phát triển nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại nông thôn phù hợp với điều kiện và tập quán tại địa phương.

Ngày 07/01/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tại điểm b Khoản 1 Điều 1 quy định Các Quận 2, 7, 9, 12, Bình Tân, Thủ Đức và thị trấn các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè không quá 200m²/hộ; điểm d khoản 1 Điều 1 quy định Huyện Cần Giờ và các khu dân cư nông thôn không quá 300m²/hộ. Do nhà đất thuộc địa bàn xã Đ, huyện H nên căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Cụt được hạn mức đất ở là 300 m², và hạn mức được dùng để cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản khác gắn liền với đất” đối với đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất.

Do tổng diện tích đất bà Cụt sử dụng trước khi cho ông Đ là 223,4m² không vượt hạn mức theo quy định, do đó căn cứ vào mục đích sử dụng của phần diện tích đất được bà Cụt đăng ký, kê khai và đóng thuế được thể hiện tại biên lai đóng thuế nhà đất từ năm 1993 thì toàn bộ thửa đất số 22, tờ bản đồ số 61 bộ địa chính xã Đ, huyện H diện tích 223,4 m² khuôn viên nhà số 1/12 ấp 6, xã Đ nay là đường Đ, xã Đ phải được xác định là đất ở, Ủy ban nhân dân huyện H cho rằng do bà D khai xây dựng nhà năm 1997 nên phải xác định đất nông nghiệp là không có căn cứ.

Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây: Giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này;

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định “Trường hợp sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng sử dụng”.

Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi chung là quy hoạch) hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất

từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a) Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức công nhận đất ở quy định tại Khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức công nhận đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở.

Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức công nhận đất ở; trường hợp diện tích đất xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống lớn hơn hạn mức công nhận đất ở thì công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống đó;

Điểm a Khoản 1 Điều 11 Quyết định 28/2018/QĐ-UBND quy định: Đối với đất ở: Trường hợp sử dụng đất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường, diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ bằng 100% đơn giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

Điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 09/8/2018 quy định: “...trước đây khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được Nhà nước công nhận nhưng người sử dụng đất vẫn đang sử dụng phần diện tích đất này, thì khi Nhà nước thu hồi sẽ được tính bồi thường, hỗ trợ như sau: Nếu theo quy định hiện hành mà diện tích đất đó được công nhận vào mục đích sử dụng nào thì sẽ được xét bồi thường, hỗ trợ theo mục đích sử dụng tương ứng...”.

Phần đất bị thu hồi của gia đình Ông V, bà Đ1 được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 101238 ngày 16/12/2014 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp tuy chưa được công nhận quyền sử dụng đất nhưng có nguồn gốc sử dụng ổn định gắn liền với nhà đất số 1/12 ấp 6, xã Đ nay là đường Đ, xã Đ, có mục đích xây dựng nhà ở và công trình phục vụ đời sống nên phải được xem xét, xác định mục đích sử dụng là đất thổ cư là phù hợp quy định pháp luật.

Do đó Ủy ban nhân dân huyện H bồi thường, hỗ trợ diện tích gồm 58,1m² thuộc thửa 22 tờ bản đồ 61 bộ địa chính xã Đ, huyện H cho Ông V theo giá đất nông nghiệp là không đúng theo quy định pháp luật.

Do phần đất của Ông V, bà Đ1 bị thu hồi được xác định là đất ở, nên việc Ông V yêu cầu xem xét yêu cầu bồi thường vật kiến trúc có trên đất là có cơ sở. Việc Ủy ban nhân dân huyện H áp dụng điểm b, c Khoản 2 Điều 20 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh đề tính hỗ trợ 25% giá trị bồi thường là không đúng theo quy định pháp luật, mà phải căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Hỗ trợ bằng 80% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

[4.3.2] Đối với yêu cầu hủy thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H xét thấy:

Sau khi nhận quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 5521-1145/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H, ngày 29/5/2020 Ông V đã có gởi đơn đề nghị xem xét. Ngày 10/9/2020 Ủy ban nhân dân xã Đ đã có biên bản vận động Ông V bàn giao mặt bằng nhưng Ông V không đồng ý và cho rằng đã gởi đơn đề nghị xem xét lại giá bồi thường ngày 13/7/2020, biên bản cũng ghi nhận trong thời gian giải quyết khiếu nại người bị thu hồi đất phải chấp hành việc bàn giao mặt bằng, tiếp theo ngày 14/10/2020 tại biên bản làm việc với Ông V, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện H ghi nhận việc Ông V đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H do đền bù giá đất nông nghiệp. Như vậy, việc Ông V không đồng ý đơn giá đền bù, có khiếu nại với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H trước ngày 07/12/2020 là có thật.

Khoản 2 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định “Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.”

Điều 8 Luật Khiếu nại quy định: 1. Việc khiếu nại được thực hiện bằng đơn khiếu nại hoặc khiếu nại trực tiếp.

2. Trường hợp khiếu nại được thực hiện bằng đơn thì trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ.

3. Trường hợp người khiếu nại đến khiếu nại trực tiếp thì người tiếp nhận khiếu nại hướng dẫn người khiếu nại viết đơn khiếu nại hoặc người tiếp nhận ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản và yêu cầu người khiếu nại ký hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Như vậy trường hợp đơn không có tiêu đề là Khiếu nại nhưng có nội dung

kiếu nại thì phải hướng dẫn để người khiếu nại viết lại đơn hoặc phải ghi lại bằng biên bản. Người khởi kiện xác định tháng 12/2020 ông mới được người tiếp dân của Ủy ban nhân dân huyện H hướng dẫn, nên ông đã điều chỉnh và nộp lại đơn với đúng tiêu đề là đơn khiếu nại thì ngày 27/01/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Thông báo số 823/TB UBND-TTH thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại với lý do hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011 là không đúng với quy định tại Điều 50 của Luật Khiếu nại và thực tế sự việc.

Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của UBND, Chủ tịch UBND huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do phần yêu cầu kháng cáo của người bị kiện không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo Ủy ban nhân dân huyện H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1202/2021/HCST ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 173, khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và năm 2013; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và an sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 63/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V về việc hủy:

- Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ);

- Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại;

- Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần bị thu hồi của ông Ngô Hàng V, bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật và giải quyết khiếu nại (nếu có).

[2] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0001834, 0001835 ngày 14/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- NLQ; (3)
- Lưu VT (6), HS (2) T.18 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long